

Bản án số: 100/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/8/2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phân - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Lê Anh

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Thị Thanh Hương

2. Ông Nguyễn Như Thủy

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/KTST ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2022/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 192/2022/QĐST-DS ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH X

Trụ sở chính: Đường số A, Khu dân cư T, Khu phố 2, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1979

(Theo giấy ủy quyền số: 03/UQ2021 ngày 19/3/2021 của Công ty TNHH X) – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Công ty TNHH G

Trụ sở: Đường số B, Khu dân cư N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã H, phường D, quận K, Thành phố Hải Phòng- Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Công ty TNHH X, có ông Đỗ Văn C đại diện theo trình bày:*

Năm 2019, Công ty TNHH X và Công ty TNHH G đã ký 03 (ba) Hợp đồng mua bán nhiên liệu:

- Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 02-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019;

- Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 03-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019;

- Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 04-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 26/8/2019.

Trong quá trình thực hiện Công ty TNHH X đã thực hiện việc giao hàng và xuất hóa đơn theo đúng quy định:

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000350 ngày 06/8/2019;

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000352 ngày 06/8/2019;

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000440 ngày 27/8/2019;

- Biên bản giao nhận nhiên liệu ngày 22/6/2019;

- 04 Phiếu xuất kho ngày 06/8/2019.

Sau khi giao hàng và hóa đơn cho Công ty TNHH G theo đúng hợp đồng. Công ty TNHH G đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán tiền hàng theo hợp đồng đã ký.

Tại biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH G tính đến hết ngày 31/12/2019 thì Công ty TNHH G còn nợ Công ty TNHH X số tiền 471.320.000 (Bốn trăm bảy mươi một triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ, nhưng phía bị đơn vẫn không thanh toán số tiền còn nợ trên. Nên ngày 22/4/2021 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 7, yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ.

Tính thời điểm xét xử, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc là: 471.320.000 đồng (A)

- Số tiền lãi là 1%/tháng theo mức lãi suất các hợp đồng tính đến ngày 30/8/2022, cụ thể như sau:

+ Tiền lãi hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 02-08/HĐMB-KVPETROL 2019 kể từ ngày 05/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là  $(36 \text{ tháng} \times 442.520.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng}) + (9 \text{ ngày} \times 442.520.000 \text{ đồng} \times 0.03\% / \text{ngày}) = 160.502.004 \text{ đồng};$

+ Tiền lãi hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 03-08/HĐMB-KVPETROL 2019 kể từ ngày 05/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là  $(36 \text{ tháng} \times 25.200.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng}) + (9 \text{ ngày} \times 25.200.000 \text{ đồng} \times 0.03\% / \text{ngày}) = 9.140.040 \text{ đồng};$

+ Tiền lãi hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 04-08/HĐMB-KVPETROL 2019 kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là  $(36 \text{ tháng} \times 3.600.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng}) + (18 \text{ ngày} \times 3.600.000 \text{ đồng} \times 0.03\% / \text{ngày}) = 1.279.440 \text{ đồng}.$

Tổng cộng số tiền lãi là 170.921.484 đồng (B)

Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là: 471.320.000 đồng (A) + 170.921.484 đồng (B) = 642.241.484 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều 26 đến Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn hai thành viên trở lên số 0314508059, đăng ký lần đầu ngày 11/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/6/2018, bị đơn Công ty TNHH G có trụ sở tại địa chỉ: Đường số B, Khu dân cư N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về thủ tục tố tụng:*

[2.1] Nguyên đơn Công ty TNHH X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:*

[3.1] Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng mua bán hàng hóa.

Xét, căn cứ các hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 02-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019, hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 03-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019, hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 04-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 26/8/2019.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa nguyên đơn và bị đơn, bị đơn xác nhận còn nợ tổng cộng số tiền là: 471.320.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn Công ty TNHH G đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định bị đơn Công ty TNHH G còn nợ nguyên đơn Công ty TNHH X số tiền gốc là 471.320.000 đồng. Nguyên đơn cũng đã xuất hóa đơn VAT cho bị đơn theo quy định. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 471.320.000 đồng có cơ sở để chấp nhận.

*[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:*

Căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*

Căn cứ theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

*“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*

Căn cứ vào khoản 2.1 của Điều 2 và khoản 4.2 Điều 4 của các Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 02-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019, Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 03-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019, Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 04-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 26/8/2019, các đương sự thỏa thuận như sau:

... “**2.1 Phương thức thanh toán:** Bên B chịu trách nhiệm thanh toán 100% giá trị đơn hàng cho bên A ngay sau khi bên A hoàn tất việc giao hàng và phát hành đơn hóa đơn.

Ngày thanh toán là ngày bên A nhận được giấy báo “Có” của ngân hàng bên A, đến ngày thanh toán mà bên B chưa thanh toán hoặc thanh toán một phần thì coi như bên B đã vi phạm điều khoản 2.1 của Hợp đồng này và đồng ý chịu lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng.”

... “**4.2 Quyền và Trách nhiệm của bên B:**

a) Bên B đảm bảo thanh toán tiền hàng đầy đủ và đúng thời hạn theo điều 2.1 của Hợp đồng, đảm bảo thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình bên A thu hồi nợ từ bên B, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thuê luật sư hoặc bên thu hồi nợ.

b) Bên B có trách nhiệm thanh toán các chi phí phát sinh cho các Cơ quan chức năng khi bên A gửi công văn yêu cầu can thiệp vào lịch tàu chạy của bên B.”

Do vậy đối với yêu cầu tính tiền lãi là 1%/tháng theo mức lãi suất các bên thỏa thuận kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử, cụ thể:

+ Tiền lãi hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 02-08/HĐMB-KVPETROL 2019 kể từ ngày 05/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là (36 tháng x 442.520.000 đồng x 1%/ tháng) + (9 ngày x 442.520.000 đồng x 0.03%/ ngày) = 160.502.004 đồng;

+ Tiền lãi hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 03-08/HĐMB-KVPETROL 2019 kể từ ngày 05/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là (36 tháng x 25.200.000 đồng x 1%/ tháng) + (9 ngày x 25.200.000 đồng x 0.03%/ ngày) = 9.140.040 đồng;

+ Tiền lãi hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 04-08/HĐMB-KVPETROL 2019 kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 30/8/2022 là (36 tháng x 3.600.000 đồng x 1%/ tháng) + (18 ngày x 3.600.000 đồng x 0.03%/ ngày) = 1.279.440 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là 170.921.484 đồng

Theo thông báo lãi suất ngày 30/5/2022 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (chi nhánh Sài Gòn) thì lãi suất cho vay trung hạn đối với khách hàng doanh nghiệp là 11%/năm; như vậy lãi suất quá hạn là 16.5%/năm (150% của lãi trong hạn); Theo công văn số 2692/CV-NSG.KT ngày 28/6/2022

của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (chi nhánh Nam Sài Gòn) thì lãi suất cho vay đối với khách hàng là doanh nghiệp vay sản xuất kinh doanh trung hạn là 10.8%/năm; như vậy lãi suất quá hạn là 16.2%/năm (150% của lãi trong hạn); Theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (chi nhánh 7) thì lãi suất cho vay trung hạn đối với khách hàng doanh nghiệp là 10%/năm; như vậy lãi suất quá hạn lần lượt là 15%/năm (150% của lãi trong hạn). Như vậy, lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là:  $(16.5\% + 16.2\% + 15\%):3 = 15.9\%/năm$  ( $1.325\%/tháng$ ,  $0.11\%/ngày$ ).

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán của các hợp đồng nêu trên đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng theo quy định tại khoản 2.1 của Điều 2 và khoản 4.2 Điều 4 của các Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 02-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019, Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 03-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019, Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 04-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 26/8/2019 được ký kết giữa Công ty TNHH X và Công ty TNHH G tính trên dư nợ gốc là có cơ sở, có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Đối với ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là căn cứ, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là do nguyên nhân khách quan, bị đơn Công ty TNHH G không đến Tòa án để làm việc theo quy định của pháp luật dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; tình hình dịch bệnh covid kéo dài.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; bị đơn Công ty TNHH G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 55; 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Công ty TNHH X; bị đơn Công ty TNHH G

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X

Buộc Công ty TNHH G phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH X số tiền tổng cộng 642.241.484 (Sáu trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 471.320.000 (Bốn trăm bảy mươi một triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng và tiền lãi là 170.921.484 (Một trăm bảy mươi triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi bốn) đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 29.689.659 (hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi chín) đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH X số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là: 25.431.863 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ba một nghìn tám trăm sáu ba) đồng, theo biên lai thu số: AA/2019/0042605 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong Công ty TNHH G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 02-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019, Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 03-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 05/8/2019, Hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 04-08/HĐMB-KVPETROL 2019 ngày 26/8/2019”.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Công ty TNHH X và bị đơn Công ty TNHH G có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKS ND Quận 7;
- Chi cục THA Dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thúc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký và đóng dấu)**

**Đào Lê Anh**